

Số: 727/TB-ĐHNL

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 07 năm 2026

## THÔNG BÁO

### Ngưỡng điểm xét tuyển đối với từng ngành đào tạo Đại học chính quy vào Trường Đại học Nông Lâm đợt 1 năm 2026

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-Bộ GD&ĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tin tuyển sinh năm 2026 của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy ngày 07 tháng 07 năm 2026 của Trường Đại học Nông Lâm.

Trường Đại học Nông Lâm thông báo ngưỡng điểm xét tuyển đối với từng ngành đào tạo đại học chính quy đợt 1 năm 2026 và quy đổi điểm tương đương các phương thức xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 như sau:

#### I. Ngưỡng điểm xét tuyển

TT	Ngành học	Mã ngành	Mã xét tuyển	Ngưỡng Điểm xét tuyển theo thi TN THPT năm 2026 (các PTXT khác đã quy đổi)
1	Khoa học cây trồng	7620110	7620110	16
2	Chăn nuôi	7620105	7620105	16
3	Lâm sinh	7620205	7620205	16
4	Thú y	7640101	7640101	16
5	Quản lý đất đai	7850103	7850103	16
6	Khoa học môi trường	7440301	7440301	16
7	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	7480201	7480201	16
8	Công nghệ sinh học	7420201	7420201	16
9	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	7620211	16
10	Kinh tế nông nghiệp	7620115	7620115	16
11	Công nghệ thực phẩm	7540101	7540101	16
12	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	7850101	16
13	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản	7580109	7580109	16

14	Nông nghiệp công nghệ cao	7620101	7620101	16
15	Tài chính - Kế toán	Ngành thí điểm	TCKT	16
16	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	7540106	16
17	Quản lý thông tin	7320205	7320205	16
18	Dược liệu và hợp chất thiên nhiên	7549002	7549002	16
19	Công nghệ thực phẩm	7540101_CTTT	7540101_CTTT	16
20	Khoa học và quản lý môi trường	7440301_CTTT	7440301_CTTT	16
21	Quản lý du lịch quốc tế	7810204_CTTT	7810204_CTTT	16
22	Ngôn ngữ Anh	7220201	7220201	16
23	Quản lý kinh tế	7310110	7310110	16

**Ghi chú:** Ngưỡng điểm xét tuyển lấy theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2026 là tổng điểm 3 môn thi trong tổ hợp đăng ký xét tuyển + điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có). Ngưỡng điểm này cũng là ngưỡng điểm xét tuyển của các phương thức xét tuyển (PTXT) theo học bạ THPT; V-SAT đã được quy đổi tương đương theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026. Ngưỡng điểm xét tuyển tính theo thang điểm 30.

## II. Quy tắc quy đổi tương đương điểm xét tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

### 2.1. Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026

#### \* Điểm xét tuyển:

- Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + điểm UT (nếu có)

Trong đó:

+ Các môn 1, môn 2, môn 3 được xác định theo các tổ hợp xét tuyển.

+ Điểm UT là điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có) và được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

\*. Điểm xét tuyển giữa các tổ hợp là tương đương nhau (không có chênh lệch điểm giữa các tổ hợp).

### 2.2. Xét tuyển theo kết quả học tập ghi trong học bạ THPT

#### \* Điểm xét tuyển:

- Điểm trung bình chung của môn xét tuyển (TBC) = (Điểm TB cả năm lớp 10 + Điểm TB cả năm lớp 11 + 2 × Điểm TB cả năm lớp 12)/4.

- Điểm học bạ = Điểm TBC môn 1 + Điểm TBC môn 2 + Điểm TBC môn 3 + điểm UT (nếu có).

Trong đó:

+ Các môn 1, môn 2, môn 3 được xác định theo các tổ hợp xét tuyển.

+ Điểm UT là điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có) và được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Trong trường hợp môn học trong tổ hợp xét tuyển không học đủ 06 học kỳ cấp THPT theo năm do thay đổi lựa chọn môn học thì sử dụng kết quả học tập môn học khác gần lĩnh vực thay thế.

- **Điểm xét tuyển** (quy đổi tương đương) được xác định theo bảng bách phân vị với các tổ hợp là như nhau và được cụ thể như sau:

Khoảng	Tổ hợp xét tuyển	
	Học bạ ( $a < x \leq b$ )	Thi TN THPT ( $c < y \leq d$ )
Khoảng 1	$17 < x \leq 20$	$16 < y \leq 17$
Khoảng 2	$20 < x \leq 23$	$17 < y \leq 21$
Khoảng 3	$23 < x \leq 26$	$21 < y \leq 25$
Khoảng 4	$26 < x \leq 27$	$25 < y \leq 26,5$
Khoảng 5	$27 < x \leq 30$	$26,5 < y \leq 30$

Trong đó quy đổi tương đương điểm tổ hợp xét tuyển theo tổ hợp môn thi (không phân biệt các tổ hợp) tốt nghiệp THPT 2026 (đã cộng điểm ưu tiên) ở các khoảng điểm trong bảng bách phân vị được áp dụng theo công thức nội suy tuyến tính sau:

$$y = c + \left( \frac{x - a}{b - a} \right) * (d - c)$$

Ví dụ, một thí sinh có điểm học bạ theo tổ hợp  $x = 17,5$  trong khoảng  $17 < x \leq 20$ , nên  $a = 17$ ;  $b = 20$ ;  $c = 16$  và  $d = 17$ . Áp dụng công thức nội suy tuyến tính:  $y$  (điểm quy đổi tương đương)  $= c + \left( \frac{x-a}{b-a} \right) * (d - c) = 16 + \left( \frac{17,5-17}{20-17} \right) * (17 - 16) = 16,17$ ; nghĩa là 17,5 điểm học bạ tương đương 16,17 điểm thi TN THPT.

\* **Điểm xét tuyển** giữa các tổ hợp là tương đương nhau (không có chênh lệch điểm giữa các tổ hợp).

### 2.3. Xét theo V-SAT trên máy tính

\* **Điểm xét tuyển:**

Quy đổi điểm tương đương theo bảng bách phân vị do Đại học Thái Nguyên công bố như sau:

Thứ hạng (%)	Toán	
	V-SAT ( $a < x \leq b$ )	THPT ( $c < y \leq d$ )
<b>Điểm cao nhất</b>	150	10
<b>0.5%</b>	$144 < x \leq 150$	$9.5 < y \leq 10$
<b>1%</b>	$140.5 < x \leq 144$	$y = 9.5$
<b>2%</b>	$136.5 < x \leq 140.5$	$9 < y \leq 9.5$
<b>5%</b>	$129.5 < x \leq 136.5$	$y = 9$
<b>10%</b>	$122.5 < x \leq 129.5$	$8.5 < y \leq 9$
<b>20%</b>	$113 < x \leq 122.5$	$8.25 < y \leq 8.5$
<b>30%</b>	$105.5 < x \leq 113$	$7.75 < y \leq 8.25$
<b>40%</b>	$98.5 < x \leq 105.5$	$7.5 < y \leq 7.75$
<b>50%</b>	$92.5 < x \leq 98.5$	$7.25 < y \leq 7.5$
<b>60%</b>	$86 < x \leq 92.5$	$6.75 < y \leq 7.25$
<b>70%</b>	$79 < x \leq 86$	$6.25 < y \leq 6.75$
<b>80%</b>	$71.5 < x \leq 79$	$5.75 < y \leq 6.25$
<b>90%</b>	$61 < x \leq 71.5$	$5 < y \leq 5.75$
<b>&gt; 90%</b>	$0 < x \leq 61$	$0 < y \leq 5$

Thứ hạng (%)	Vật lí	
	V-SAT ( $a < x \leq b$ )	THPT ( $c < y \leq d$ )
<b>Điểm cao nhất</b>	150	10
<b>0.5%</b>	$135 < x \leq 150$	$9.25 < y \leq 10$
<b>1%</b>	$131 < x \leq 135$	$9 < y \leq 9.25$
<b>2%</b>	$126.5 < x \leq 131$	$8.75 < y \leq 9$
<b>5%</b>	$119 < x \leq 126.5$	$8.35 < y \leq 8.75$
<b>10%</b>	$112.5 < x \leq 119$	$8 < y \leq 8.35$
<b>20%</b>	$103.5 < x \leq 112.5$	$7.25 < y \leq 8$
<b>30%</b>	$97.5 < x \leq 103.5$	$6.75 < y \leq 7.25$
<b>40%</b>	$92 < x \leq 97.5$	$6.25 < y \leq 6.75$
<b>50%</b>	$87 < x \leq 92$	$6 < y \leq 6.25$
<b>60%</b>	$82 < x \leq 87$	$5.5 < y \leq 6$
<b>70%</b>	$76.5 < x \leq 82$	$5 < y \leq 5.5$
<b>80%</b>	$70 < x \leq 76.5$	$4.35 < y \leq 5$
<b>90%</b>	$61.5 < x \leq 70$	$3.75 < y \leq 4.35$
<b>&gt; 90%</b>	$0 < x \leq 61.5$	$0 < y \leq 3.75$

Thứ hạng (%)	Hóa học	
	V-SAT ( $a < x \leq b$ )	THPT ( $c < y \leq d$ )
<b>Điểm cao nhất</b>	150	10
<b>0.5%</b>	$140 < x \leq 150$	$9.5 < y \leq 10$
<b>1%</b>	$136.5 < x \leq 140$	$9.25 < y \leq 9.5$
<b>2%</b>	$132 < x \leq 136.5$	$y = 9.25$
<b>5%</b>	$125 < x \leq 132$	$8.75 < y \leq 9.25$
<b>10%</b>	$117 < x \leq 125$	$8.5 < y \leq 8.75$
<b>20%</b>	$107 < x \leq 117$	$8 < y \leq 8.5$
<b>30%</b>	$99 < x \leq 107$	$7.75 < y \leq 8$
<b>40%</b>	$92.5 < x \leq 99$	$7.35 < y \leq 7.75$
<b>50%</b>	$86 < x \leq 92.5$	$7 < y \leq 7.35$
<b>60%</b>	$80 < x \leq 86$	$6.6 < y \leq 7$
<b>70%</b>	$73 < x \leq 80$	$6.1 < y \leq 6.6$
<b>80%</b>	$66 < x \leq 73$	$5.5 < y \leq 6.1$
<b>90%</b>	$57 < x \leq 66$	$4.75 < y \leq 5.5$
<b>&gt; 90%</b>	$0 < x \leq 57$	$0 < y \leq 4.75$

Thứ hạng (%)	Sinh học	
	V-SAT ( $a < x \leq b$ )	THPT ( $c < y \leq d$ )
<b>Điểm cao nhất</b>	150	10
<b>0.5%</b>	$138 < x \leq 150$	$9.75 < y \leq 10$
<b>1%</b>	$135 < x \leq 138$	$9.5 < y \leq 9.75$
<b>2%</b>	$131 < x \leq 135$	$9.25 < y \leq 9.5$
<b>5%</b>	$125 < x \leq 131$	$8.75 < y \leq 9.25$
<b>10%</b>	$118.5 < x \leq 125$	$8.25 < y \leq 8.75$
<b>20%</b>	$109 < x \leq 118.5$	$7.75 < y \leq 8.25$
<b>30%</b>	$102 < x \leq 109$	$7.25 < y \leq 7.75$
<b>40%</b>	$96 < x \leq 102$	$6.85 < y \leq 7.25$
<b>50%</b>	$90.25 < x \leq 96$	$6.5 < y \leq 6.85$
<b>60%</b>	$84 < x \leq 90.25$	$6.1 < y \leq 6.5$
<b>70%</b>	$78 < x \leq 84$	$5.75 < y \leq 6.1$
<b>80%</b>	$71 < x \leq 78$	$5.35 < y \leq 5.75$
<b>90%</b>	$62 < x \leq 71$	$4.75 < y \leq 5.35$
<b>&gt; 90%</b>	$0 < x \leq 62$	$0 < y \leq 4.75$

Thứ hạng (%)	Lịch sử	
	V-SAT ( $a < x \leq b$ )	THPT ( $c < y \leq d$ )
<b>Điểm cao nhất</b>	150	10
<b>0.5%</b>	$141 < x \leq 150$	$y = 10$
<b>1%</b>	$138 < x \leq 141$	$y = 10$
<b>2%</b>	$136.5 < x \leq 138$	$9.75 < y \leq 10$
<b>5%</b>	$131 < x \leq 136.5$	$9.5 < y \leq 9.75$
<b>10%</b>	$126 < x \leq 131$	$9.25 < y \leq 9.5$
<b>20%</b>	$119 < x \leq 126$	$8.75 < y \leq 9.25$
<b>30%</b>	$113 < x \leq 119$	$8.5 < y \leq 8.75$
<b>40%</b>	$108 < x \leq 113$	$8.1 < y \leq 8.5$
<b>50%</b>	$103 < x \leq 108$	$7.75 < y \leq 8.1$
<b>60%</b>	$97.5 < x \leq 103$	$7.35 < y \leq 7.75$
<b>70%</b>	$91.5 < x \leq 97.5$	$7 < y \leq 7.35$
<b>80%</b>	$85 < x \leq 91.5$	$6.5 < y \leq 7$
<b>90%</b>	$75 < x \leq 85$	$5.75 < y \leq 6.5$
<b>&gt; 90%</b>	$0 < x \leq 75$	$0 < y \leq 5.75$

Thứ hạng (%)	Địa lí	
	V-SAT ( $a < x \leq b$ )	THPT ( $c < y \leq d$ )
Điểm cao nhất	150	10
0.5%	$135 < x \leq 150$	$9.5 < y \leq 10$
1%	$134 < x \leq 135$	$9 < y \leq 9.5$
2%	$130.5 < x \leq 134$	$8.75 < y \leq 9$
5%	$125 < x \leq 130.5$	$8.5 < y \leq 8.75$
10%	$119.5 < x \leq 125$	$8.25 < y \leq 8.5$
20%	$112 < x \leq 119.5$	$7.75 < y \leq 8.25$
30%	$105.5 < x \leq 112$	$7.25 < y \leq 7.75$
40%	$100.5 < x \leq 105.5$	$7 < y \leq 7.25$
50%	$95.5 < x \leq 100.5$	$6.5 < y \leq 7$
60%	$90.5 < x \leq 95.5$	$6.25 < y \leq 6.5$
70%	$84.5 < x \leq 90.5$	$5.75 < y \leq 6.25$
80%	$77.5 < x \leq 84.5$	$5.35 < y \leq 5.75$
90%	$68 < x \leq 77.5$	$4.6 < y \leq 5.35$
> 90%	$0 < x \leq 68$	$0 < y \leq 4.6$

Thứ hạng (%)	Tiếng Anh	
	V-SAT ( $a < x \leq b$ )	THPT ( $c < y \leq d$ )
Điểm cao nhất	150	10
0.5%	$142 < x \leq 150$	$9.25 < y \leq 10$
1%	$138 < x \leq 142$	$8.75 < y \leq 9.25$
2%	$135 < x \leq 138$	$8.5 < y \leq 8.75$
5%	$129 < x \leq 135$	$7.75 < y \leq 8.5$
10%	$121.5 < x \leq 129$	$7.25 < y \leq 7.75$
20%	$112.9 < x \leq 121.5$	$6.5 < y \leq 7.25$
30%	$105.5 < x \leq 112.9$	$5.75 < y \leq 6.5$
40%	$99 < x \leq 105.5$	$5.5 < y \leq 5.75$
50%	$92.5 < x \leq 99$	$5 < y \leq 5.5$
60%	$86 < x \leq 92.5$	$4.75 < y \leq 5$
70%	$78.5 < x \leq 86$	$4.25 < y \leq 4.75$
80%	$70 < x \leq 78.5$	$3.75 < y \leq 4.25$
90%	$59.5 < x \leq 70$	$3.25 < y \leq 3.75$
> 90%	$0 < x \leq 59.5$	$0 < y \leq 3.25$

Thứ hạng (%)	Ngữ văn	
	V-SAT ( $a < x \leq b$ )	THPT ( $c < y \leq d$ )
Điểm cao nhất	150	10
0.5%	$133.5 < x \leq 150$	$9 < y \leq 10$
1%	$131.5 < x \leq 133.5$	$y = 9$
2%	$129 < x \leq 131.5$	$8.75 < y \leq 9$
5%	$125 < x \leq 129$	$8.5 < y \leq 8.75$
10%	$121.5 < x \leq 125$	$8.25 < y \leq 8.5$
20%	$116.5 < x \leq 121.5$	$8 < y < 8.25$
30%	$113 < x \leq 116.5$	$7.75 < y \leq 8$
40%	$109.5 < x \leq 113$	$7.5 < y \leq 7.75$
50%	$106 < x \leq 109.5$	$7.25 < y \leq 7.5$
60%	$102.5 < x \leq 106$	$7 < y \leq 7.25$
70%	$98.5 < x \leq 102.5$	$6.75 < y \leq 7$
80%	$93.5 < x \leq 98.5$	$6.25 < y \leq 6.75$
90%	$87 < x \leq 93.5$	$5.75 < y \leq 6.25$
> 90%	$0 < x \leq 87$	$0 < y \leq 5.75$

Trong đó quy đổi tương đương điểm các môn thi V-SAT theo các môn thi tốt nghiệp THPT 2026 ở các khoảng điểm trong bảng bách phân vị được thực hiện như sau:

Ví dụ, một học sinh có điểm V-SAT môn Ngữ văn  $x = 115$  trong khoảng  $113 < x \leq 116.5$  nên  $a = 113$ ;  $b = 116.5$ ;  $c = 7.75$  và  $d = 8$ . Áp dụng công thức nội suy tuyến tính, điểm sau khi quy đổi sang điểm thi TN THPT là:

$$y = c + \left(\frac{x-a}{b-a}\right) * (d - c) = 7.75 + \left(\frac{115-113}{116.5-113}\right) * (8 - 7.75) = 7.89$$

- Điểm xét tuyển (quy đổi tương đương) = Điểm quy đổi môn 1 + Điểm quy đổi môn 2 + Điểm quy đổi môn 3 + điểm UT (nếu có)

\* Điểm xét tuyển giữa các tổ hợp là tương đương nhau (không có chênh lệch điểm giữa các tổ hợp)./. *VHT*

**Nơi nhận:**

- BGH (để b/c);
- Website;
- Lưu VT, TS&TT.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH  
HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Nguyễn Hưng Quang**